

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /2014/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 11 tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người  
hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 06/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 05/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố** (Mức phụ cấp thống nhất thực hiện theo hệ số so với mức lương cơ sở và được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh lương cơ sở):

**1. Đối với cấp xã**

a) Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí các chức danh hoạt động không chuyên trách, số lượng và mức phụ cấp cho từng chức danh theo hệ số sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức phụ cấp
01	Chủ nhiệm UBKT hoặc cấp ủy viên phụ trách công tác kiểm tra	1	1,0
02	Cấp ủy viên phụ trách tuyên giáo	1	1,0
03	Cấp ủy viên phụ trách tổ chức	1	1,0
04	Cấp ủy viên phụ trách dân vận	1	1,0
05	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1,0
06	Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã	1	1,0
07	Phó Trưởng Công an	1	1,0
08	Văn phòng Đảng ủy	1	1,0
09	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	1	1,0
10	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên	1	0,9
11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	0,9
12	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	0,9
13	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	0,9
14	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1	0,9
15	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1	0,9
16	Trưởng ban Thú y	1	0,8
17	Thú y viên	2	0,4
18	Dự phòng	1	0,8

**Ngoài ra:**

- Đối với phường, thị trấn thì bố trí thêm chức danh:
  - + Trưởng ban bảo vệ dân phố mức phụ cấp là 0,5
  - + Phó ban bảo vệ dân phố mức phụ cấp là 0,4
- Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm về an ninh - quốc phòng thì bố trí thêm 01 *Phó Chỉ huy Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã*, mức phụ cấp 1,0.
- Đối với cấp xã loại 1, loại 2, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thì bố trí thêm 01 *Phó Trưởng Công an*, mức phụ cấp 1,0.
- Đối với xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thì bố trí thêm 01 *Công an viên thường trực tại xã* với mức phụ cấp là 0,9.

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế mức 3% đối với các chức danh nêu trên.

**2. Đối với thôn, tổ dân phố:**

a) Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí các chức danh và mức phụ cấp cho từng chức danh như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức phụ cấp
01	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	1	0,9
02	Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	1	0,9
03	Công an viên	1	0,8
04	Thôn đội trưởng	1	0,5
05	Nhân viên y tế thôn, làng, tổ dân phố	1	
	- Nhân viên công tác tại những thôn, làng thuộc ở các xã thuộc vùng khó khăn, ĐBKK theo quy định hiện hành.		0,5
	- Nhân viên công tác tại các thôn, làng thuộc các xã còn lại		0,3
	- Nhân viên công tác tại các tổ dân phố		0,2
06	Bảo vệ dân phố ở tổ dân phố thuộc phường, thị trấn:		
	- Tổ trưởng	1	0,4
	- Tổ phó	1	0,3
	- Tổ viên	3	0,2

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế mức 3% đối với các chức danh nêu trên.

**3. Các chức danh không chuyên trách nêu trên, nếu chức danh nào không có người đảm nhiệm thì bố trí kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau:**

a) Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thì được hưởng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng 20% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất.

b) Trường hợp chức danh không chuyên trách kiêm nhiệm thì được hưởng 50 % mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất.

## **Điều 2. Khoản và hỗ trợ kinh phí:**

**1.** Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 1.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm. (Ngoài ngân sách phân bổ hàng năm).

**2.** Khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động cho mỗi thôn, tổ dân phố là 18.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm. Việc chi hỗ trợ kinh phí cho các chức danh ở thôn, tổ dân phố trong phạm vi mức khoản tại Điều này (không bao gồm các chức danh: Bí thư chi bộ, thôn trưởng/tổ trưởng dân phố, công an viên, thôn đội trưởng, lực lượng bảo vệ dân phố, nhân viên y tế thôn, làng, tổ dân phố) do Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định.

**Điều 3. Bãi bỏ mức phụ cấp và các chức danh được hưởng phụ cấp tại các văn bản sau đây:**

1. Mức phụ cấp cho Ban bảo vệ dân phố tại khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày 17/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua đề án về chế độ phụ cấp, trang phục công cụ hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ dân phố.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và Thôn đội trưởng tại khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực tại xã tại Điều 1, Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung số lượng lực lượng công an xã tỉnh Kon Tum.

4. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng ban thú y, thú y viên quy định tại khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 17/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương án hỗ trợ mạng lưới thú y viên cơ sở tỉnh Kon Tum.

5. Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 05/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

6. Nghị quyết số 20/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ kinh phí hoạt động của các chức danh ở thôn, tổ dân phố.

7. Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế ở tổ dân phố tại điểm 4.1, khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua./.

**CHỦ TỊCH**  
**Hà Ban**